

Bản án số: 84/2021/DS-ST.
Ngày: 20 - 10 - 2021.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thu Vân.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 66 - 68, đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Tú Q; chức vụ: Phó Phòng kiểm soát rủi ro – Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh V (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2021).

Địa chỉ chi nhánh: Số 3B, đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Đình N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 74, đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2021 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 08/11/2018 anh Lê Đình N có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S với hạn mức sử dụng số tiền 12.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng đến tháng 11/2021.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng anh N vi phạm nghĩa vụ thanh toán không đúng theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 20/10/2021 anh N còn nợ ngân hàng tổng số tiền 23.073.947 đồng. Trong đó, nợ gốc là 14.498.107 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.575.840 đồng.

Ngân hàng yêu cầu anh N trả tổng các khoản nợ là 23.073.947 đồng như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong phần nợ theo quy định.

Bị đơn, anh Lê Đình N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không lý do (không hợp tác).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Đình N trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký. Anh N có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thành phố V; căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và được xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời, đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện anh Lê Đình N có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S số tiền 12.000.000 đồng là sự thật, khi thực hiện hợp đồng anh N thực hiện không đúng, tính đến ngày 20/10/2021 anh N còn nợ ngân hàng số tiền 23.073.947 đồng. Trong đó, nợ gốc 14.498.107 đồng, nợ lãi quá hạn 8.575.840 đồng, nên ngân hàng kiện yêu cầu anh N trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 21/10/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[3] Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền bị đơn phải nộp 1.154.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc anh Lê Đình N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc 14.498.107 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn một trăm lẻ bảy đồng*).

- Tiền nợ lãi quá hạn 8.575.840 đồng (*Tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm bốn chục đồng*).

Tổng cộng 23.073.947 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày 21/10/2021 anh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Hợp đồng cấp Thẻ số: 1160237 ngày 08/11/2018.

Trường hợp Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S, thì lãi suất mà anh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí:

- Buộc anh Lê Đình N phải nộp 1.154.000 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp 471.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi mốt ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0000108 ngày 22/3/2021 được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng